ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 46 /2024/QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 397/TTr-SNV ngày 13/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/01/2025 và thay thế Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Các Ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Vương Quốc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46 /2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trường hợp các văn bản viện dẫn áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố.

Điều 2. Thôn, khu phố

1. Thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

2. Khu phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là khu phố.

3. Thôn, khu phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã; đảm bảo tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy có hiệu quả hoạt động của các mô hình tự quản ở thôn, khu phố.

2. Tuân thủ Hiến pháp, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và hương ước (quy ước) của thôn, khu phố. Bảo vệ lợi ích của Đảng, Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Thực hiện sáp nhập các thôn, khu phố không đủ tiêu chuẩn theo quy định đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương. Trong quá trình thực hiện sáp nhập thôn, khu phố cần xem xét đến các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng biệt của từng địa phương.

4. Khuyến khích đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mạng xã hội hoạt động hợp pháp trong hoạt động của thôn, khu phố.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, KHU PHỐ

Điều 4. Phân loại thôn, khu phố

Thôn, khu phố được phân làm 2 loại sau đây:

1. Loại I: Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành khu phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã.

2. Loại II: Các thôn và khu phố không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Tổ chức của thôn, khu phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi khu phố có Trưởng khu phố.

2. Đối với thôn, khu phố loại I được bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

Điều 6. Nội dung hoạt động của thôn, khu phố

1. Tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định các nội dung theo quy định tại Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 25 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia hưởng ứng các phòng trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

4. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư theo quy định tại Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Điều 7. Tổ chức cuộc họp, hội nghị định kỳ của thôn, khu phố; phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình và tổ chức biểu quyết trực tuyến tại thôn, khu phố

1. Tổ chức các cuộc họp của thôn, khu phố.

a) Cuộc họp của thôn, khu phố được tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định; hoặc Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

b) Thẩm quyền triệu tập, chủ trì, nội dung, thành phần tham dự cuộc họp, thông tin về cuộc họp, tài liệu cuộc họp và trình tự tổ chức cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Hội nghị định kỳ của thôn, khu phố.

a) Hội nghị định kỳ của thôn, khu phố được tổ chức mỗi năm một (01) lần vào thời gian cuối năm.

b) Thẩm quyền triệu tập, chủ trì, nội dung, thành phần tham dự hội nghị, tài liệu hội nghị và trình tự tổ chức hội nghị định kỳ của thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Điều 10, Điều 11 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Việc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình hoặc việc biểu quyết trực tuyến tại thôn, khu phố để Nhân dân bàn và quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 8. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV. Cụ thể: Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, khu phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, khu phố mới thì việc thành lập thôn mới, khu phố mới phải đạt các điều kiện sau:

1. Quy mô số hộ gia đình.

a) Thôn có từ 300 hộ gia đình trở lên.

b) Khu phố có từ 350 hộ gia đình trở lên.

2. Các điều kiện khác: Cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

Điều 9. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, khu phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV, Cụ thể:

1. Trường hợp sáp nhập thôn, khu phố.

a) Đối với các thôn, khu phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% quy mô số hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này thì phải sáp nhập với thôn, khu phố liền kề.

b) Đối với các thôn, khu phố đạt từ 50% quy mô số hộ gia đình trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này ở những nơi có đủ điều kiện thì thực hiện sáp nhập.

c) Trong quá trình thực hiện sáp nhập thôn, khu phố cần xem xét đến các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng biệt của từng địa phương.

d) Đề án sáp nhập thôn, khu phố phải được trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình của từng thôn, khu phố sáp nhập tán thành.

2. Trường hợp giải thể thôn, khu phố do Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tên của thôn, khu phố do thành lập mới hoặc sáp nhập không được trùng với tên của thôn, khu phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

4. Việc đổi tên thôn, khu phố được thực hiện theo nguyện vọng của Nhân dân sinh sống tại thôn, khu phố.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới

Thực hiện theo Quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV; khoản 6 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2022/TT-BNV. Cụ thể:

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 Quy chế này và điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới tại Điều 8 Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, khu phố mới.

b) Tên gọi của thôn mới, khu phố mới.

c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới, khu phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý).

d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, khu phố mới.

đ) Diện tích tự nhiên của thôn mới, khu phố mới (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta.

e) Các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

g) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới về Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới nếu được trên 50% đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban

nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định (kèm theo báo cáo đánh giá nguyên nhân, trách nhiệm trong việc chỉ đạo lấy ý kiến).

4. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này).

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ hồ sơ Đề án trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, khu phố mới.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, khu phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2022/TT-BNV. Cụ thể:

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, khu phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Đối với trường hợp chuyển thôn thành khu phố: Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển thôn thành khu phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, khu phố:

Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, khu phố liên quan trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể thôn, khu phố.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, khu phố:

a) Việc đặt tên thôn, khu phố được thực hiện theo quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới, sáp nhập thôn, khu phố.

b) Việc đổi tên thôn, khu phố thực hiện theo các bước như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, khu phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, khu phố; tên của thôn, khu phố sau khi đổi tên) và tổ chức lấy ý kiến của đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố về phương án đổi tên thôn, khu phố, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến.

Phương án đổi tên thôn, khu phố nếu được trên 50% đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên thôn, khu phố; trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Phương án đổi tên thôn, khu phố chưa được trên 50% số cử tri hoặc đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, khu phố.

Điều 12. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 05/2022/TT-BNV. Cụ thể:

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có thì sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.

b) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, khu phố sau khi ghép (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý).

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, khu phố sau khi ghép.

d) Diện tích tự nhiên của thôn, khu phố sau khi ghép (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta.

đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, khu phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

a) Tờ trình của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.

Chương III
TRƯỞNG THÔN, TRƯỞNG KHU PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG KHU PHỐ

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó trưởng thôn, Phó trưởng khu phố

1. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV. Cụ thể:

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, khu phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, khu phố đã được Nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, khu phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân trong thôn, khu phố. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, khu phố.

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân thôn, khu phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, khu phố; lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân thôn, khu phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, khu phố để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

e) Cuối năm báo cáo kết quả công tác trước hội nghị định kỳ của thôn, khu phố.

2. Quyền hạn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV. Cụ thể:

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong thôn, khu phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, khu phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp.

b) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, khu phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố do Trưởng thôn, Trưởng khu phố phân công.

4. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố:

a) Trưởng thôn, Trưởng khu phố có nhiệm kỳ là 2,5 năm (hai năm rưỡi).

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng Khu phố.

Điều 14. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, khu phố; đủ 21 tuổi trở lên; có trình độ học vấn tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên; có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Ở những nơi khó khăn, phức tạp về nhân sự ứng cử chức danh Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo, đề xuất Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định cụ thể tiêu chuẩn, nhân sự người ứng cử chức danh Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Điều 15. Đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; Điều 5 Nghị quyết 12/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định về số lượng, chức danh; một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các chế độ, chính sách, phụ cấp khác (nếu có).

2. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố là người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 12/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các chế độ, chính sách, phụ cấp khác (nếu có).

3. Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương IV
QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TRƯỞNG KHU PHỐ VÀ CÔNG NHẬN, CHO THÔI PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG KHU PHỐ

Điều 16. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Mục 2 Chương II Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

b) Ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử chậm nhất mười (10) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Tổ bầu cử gồm: Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, khu phố. Thành viên Tổ bầu cử là những người không có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp của người giới thiệu, ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Tổ bầu cử có trách nhiệm thống kê, lập danh sách đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố.

Các quyết định phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, khu phố, niêm yết tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, khu phố và thông báo trên

hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất bảy (07) ngày trước ngày bầu cử.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; báo cáo cấp ủy chi bộ thôn, khu phố để thống nhất giới thiệu ít nhất một (01) người ra ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ thôn, khu phố để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử (ít nhất 01 người). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản theo mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Điều 17. Tiến hành bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố

Việc tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố tại cuộc họp của cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 3 Mục 1 và Điều 7 Mục 2 Chương II Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư: Tổ bầu cử (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập) có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Cuộc họp được tiến hành khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố tham dự.

Trường hợp thôn, khu phố có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức cuộc họp theo từng cụm dân cư.

2. Thành phần tham dự cuộc họp cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố, gồm: Cấp ủy chi bộ, Tổ bầu cử, Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố và đại diện các hộ gia đình trong thôn, khu phố.

Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

3. Thông tin về cuộc họp cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố (theo mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP) phải được thông báo đến thành phần tham dự ít nhất hai (02) ngày trước khi tổ chức cuộc họp bằng một trong các hình thức sau: Giấy mời, thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình, qua hệ thống truyền thanh của thôn, khu phố, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội hợp pháp theo quy định của pháp luật do thôn, khu phố thống nhất thiết lập và được niêm yết công khai tại nhà văn hóa, các điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn, khu phố.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử (hoặc người được phân công) tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; thông qua chương trình cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp

biểu quyết cử làm thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

b) Tổ trưởng Tổ bầu cử (hoặc người được phân công) công bố quyết định tổ chức bầu cử, quyết định thành lập Tổ bầu cử và các văn bản có liên quan.

c) Tổ trưởng Tổ bầu cử (hoặc người được phân công) thông báo về việc Trưởng thôn, Trưởng khu phố đương nhiệm (hoặc lâm thời) báo cáo tóm tắt kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua và điều hành thảo luận về kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn, Trưởng khu phố (nếu không tổ chức cuộc họp tổng kết riêng).

d) Tổ trưởng Tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

đ) Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố giới thiệu danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố do Ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố đã thống nhất với cấp ủy chi bộ thôn, khu phố, ưu tiên giới thiệu những người là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Tại cuộc họp, đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp có thể tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia bầu.

e) Người tham dự cuộc họp thảo luận, đóng góp ý kiến (nếu có) về người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Kết thúc thảo luận, Tổ trưởng Tổ bầu cử tổng hợp các ý kiến thảo luận và lấy ý kiến biểu quyết của đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp về nhân sự đề cử, ứng cử tại cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Việc biểu quyết thông qua danh sách những người ứng cử để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

f) Tiến hành bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Phương án biểu quyết để bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố có thể thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do cuộc họp quyết định; phương án được lựa chọn khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

- Đối với hình thức biểu quyết giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp kiểm đếm số người giơ tay biểu quyết tại cuộc họp. Kết quả biểu quyết được ghi vào biên bản cuộc họp, người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người có số biểu quyết đồng ý cao nhất, đồng thời phải đạt tỷ lệ trên 50% so với tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố.

- Đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử chuẩn bị phiếu bầu (phiếu bầu có đóng dấu của UBND cấp xã). Tổ trưởng Tổ bầu cử đề xuất số lượng và danh sách Ban kiểm phiếu từ 03 đến 05 người (gồm Trưởng ban và các thành viên) để xin ý kiến đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết bằng hình thức giơ tay. Ban kiểm phiếu được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

Thành viên Ban kiểm phiếu là những người không có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp của người giới thiệu, ứng cử Trưởng thông, Trưởng khu phố.

Ban kiểm phiếu thực hiện các nhiệm vụ như sau:

+ Chuẩn bị hòm phiếu, phiếu bầu có ghi rõ họ tên những người ứng cử.

+ Hướng dẫn thể lệ, cách ghi phiếu, bỏ phiếu và tiến hành phát phiếu.

Sau khi kết thúc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu *(trong quá trình kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu mời 02 đại diện hộ gia đình không phải là người có tên trong danh sách bầu cử tham dự cuộc họp chứng kiến việc kiểm phiếu)* và lập biên bản kiểm phiếu theo mẫu số 02 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp. Người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người có số phiếu bầu đồng ý cao nhất, đồng thời phải đạt tỷ lệ trên 50% so với tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố. Biên bản kiểm phiếu được lập thành 03 bản *(01 bản gửi kèm theo hồ sơ cuộc họp cộng đồng dân cư đến Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 bản gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, 01 bản lưu tại thôn, khu phố).*

g) Công bố kết quả bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố kết quả bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố và kết luận cuộc họp. Nếu cuộc họp xác định được người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì mời người trúng cử ra mắt cuộc họp. Nếu không xác định được người trúng cử thì nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố trong biên bản cuộc họp để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại. Biên bản cuộc họp được lập theo mẫu số 02 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và có hiệu lực khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

Ngay sau khi cuộc họp kết thúc, Tổ trưởng Tổ bầu cử có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cuộc họp, chậm nhất năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp, hồ sơ cuộc họp phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định ngày tổ chức bầu cử lại, nhưng chậm nhất không quá 30 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu. Ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử và Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16; quy trình cụ thể các bước tiến hành bầu cử lại Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã để quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới.

Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới.

Quy trình bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới thực hiện quy định tại Điều 16 và khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 18. Công nhận kết quả bầu cử

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cuộc họp bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố của cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Trưởng khu phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 19. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố

1. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố được quyết định tại cuộc họp của cộng đồng dân cư đối với các trường hợp:

a) Người xin thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nêu rõ lý do xin thôi.

b) Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi trong trường hợp Trưởng thôn, Trưởng khu phố không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố kiến nghị.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, khu phố triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Trường hợp Trưởng thôn, Trưởng khu phố đồng thời là Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Cuộc họp được tiến hành khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố tham dự.

b) Trình tự cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo khoản 4, Điều 18 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và khoản 5, Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

c) Công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cuộc họp không thống nhất được việc cho thôi làm Trưởng

thôn, Trưởng khu phố thì Uỷ ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới.

Trong thời gian khuyết Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới.

Điều 20. Quy trình công nhận, cho thôi làm Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố do Trưởng thôn, Trưởng khu phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố, báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình xét thấy không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không còn được Nhân dân tín nhiệm, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, vi phạm các quy định của Đảng, Nhà nước và của địa phương thì Trưởng thôn, Trưởng khu phố thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố, báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định cho thôi làm Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

Điều 21. Giải quyết đơn thư, khiếu nại

1. Việc giải quyết đơn thư, khiếu nại liên quan đến công tác bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố (nếu có) do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết.

2. Trường hợp đơn thư, khiếu nại vượt thẩm quyền thì đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo theo quy định.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Thẩm định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, đặt tên, đổi tên thôn, khu phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển đổi thôn thuộc xã thành khu phố thuộc phường, thị trấn;

c) Thẩm định phân loại thôn, khu phố trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định;

d) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã về việc thực hiện Quy chế này;

đ) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện các quy định về thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố theo quy định;

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Trưởng khu phố trên địa bàn theo quy định của Trung ương và Quy chế này.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương có trách nhiệm tuyên truyền, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Uỷ ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật./.